

Số: /GPMT-UBND

TP. Kon Tum, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Vật liệu xanh Bảo Sơn Kon Tum ngày 16 tháng 7 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 127/TTr-TNMT ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường Dự án: “Nhà máy sản xuất bê tông và chế biến vật liệu xây dựng Bảo Sơn” của Công ty TNHH Vật liệu xanh Bảo Sơn Kon Tum.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Vật liệu xanh Bảo Sơn Kon Tum, địa chỉ tại số nhà 162/4 đường Duy Tân, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất bê tông và chế biến vật liệu xây dựng Bảo Sơn” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bê tông và chế biến vật liệu xây dựng Bảo Sơn.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C2A, Khu công nghiệp Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số 6101162174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 04/02/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 22/3/2023.

1.4. Mã số thuế: 6101162174.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bê tông và chế biến vật liệu xây dựng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 14.126 m².

- Công suất thiết kế: 126.000 tấn sản phẩm bê tông thương phẩm/năm.

- Nhà máy sản xuất bê tông và chế biến vật liệu xây dựng Bảo Sơn huộc danh mục dự án nhóm C được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, được quy định tại Mục II.2 Phụ lục V Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải sinh hoạt ra môi trường, xả nước thải sản xuất vào hệ thống mương thu gom nước thải của Khu công nghiệp Hòa Bình và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải và các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

(Có các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo)

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH Vật liệu xanh Bảo Sơn Kon Tum.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Vật liệu xanh Bảo Sơn Kon Tum có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện

các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm tính từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH VLX Bảo Sơn Kon Tum;
- Phòng TN&MT thành phố;
- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND Phường Lê Lợi;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Anh Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng.....năm của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

Gồm 02 nguồn phát sinh:

- *Nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt của công nhân viên phát sinh từ các lavabo, nền sàn và nước thải từ các nhà vệ sinh.
- *Nước thải sản xuất:* Nước rửa thiết bị, trạm trộn, xe bồn,... từ trạm trộn bê tông thương phẩm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nước thải sinh hoạt:

Gồm 02 dòng nước thải:

- Dòng số 1: Nước thải từ các lavabo, nền sàn sau khi qua hố ga lắng cặn.
- Dòng số 2: Nước thải từ 03 nhà vệ sinh sau khi xử lý qua bể tự hoại.

2.1.1 Nguồn tiếp nhận nước thải:

Môi trường đất trong phạm vi diện tích đất của Nhà máy.

2.1.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí 1: Tại giếng thăm số 01 dưới nhà vệ sinh khu vực nhà điều hành có tọa độ: X = 1.584410; Y= 552117.
- Vị trí 2: Tại giếng thăm số 02 sau hệ thống bể tự hoại dưới nhà vệ sinh khu vực nhà điều hành có tọa độ: X = 1.584411; Y= 552116.

2.1.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 0,8 m³/ngày đêm.

2.1.3.1. Phương thức xả nước thải: Xả ngầm, tự ngấm vào môi trường đất.

2.1.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ).

2.1.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả:

Chất lượng nước thải sinh hoạt phải xử lý đảm bảo đạt giá trị giới hạn cho phép quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi ngấm vào môi trường đất, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT(Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 – 9	Không thực hiện quan trắc định kỳ
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	
3	TSS	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/l	10	
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

2.2. Nước thải sản xuất:

Dòng nước thải: Gồm 01 dòng nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh dụng cụ, buồng trộn, rửa xe bồn,... tại trạm trộn bê tông thương phẩm sau khi xử lý sơ bộ qua bể lắng.

2.2.1 Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thu gom nước thải dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Hòa Bình.

2.2.2. Vị trí xả nước thải: Tại vị trí đầu nối vào mương thu gom nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Hòa Bình có tọa độ X = 1584466; Y = 0552204.

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 05 m³/ngày.

2.2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ).

2.2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả:

Chất lượng nước thải sản xuất xử lý sơ bộ đảm bảo đạt giá trị giới hạn cho phép theo quy định của KCN trước khi đầu nối, cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	4,5 – 9,5
2	BOD ₅ ²⁰	mg/L	500
3	COD	mg/L	700

4	Chất rắn lơ lửng SS	mg/L	600
5	NO ₃ ⁻	mg/L	40
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	24.10 ⁴

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ các lavabo và nền sàn được thu gom bằng đường ống uPVC φ90 dẫn qua hố ga lắng cặn.

+ Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống nhựa uPVC φ114 dẫn vào hệ thống bể tự hoại đặt ngầm trong khu vực nhà máy.

- Đối với nước thải sản xuất: Nước rửa từ trạm trộn bê tông thương phẩm được thu gom vào bể lắng.

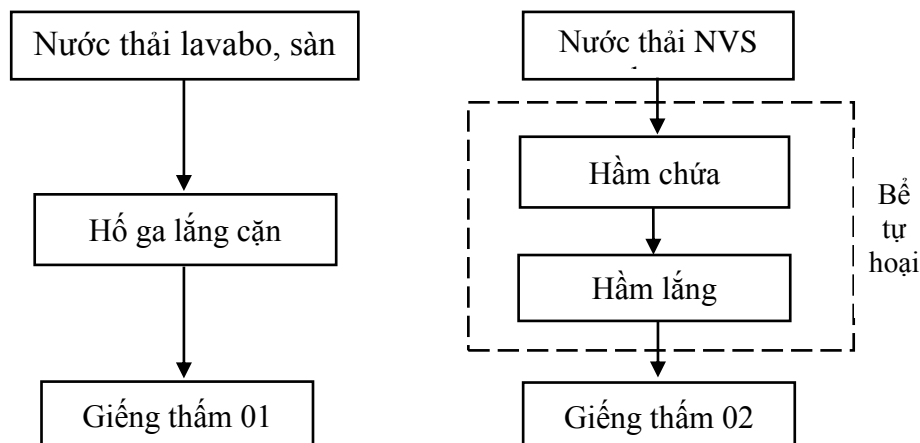
1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

-Nước thải từ các lavabo, nền sàn được dẫn qua hố ga lắng cặn sau đó dẫn vào giếng thấm số 01 tự ngấm vào môi trường đất.

- Nước thải từ 03 nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại đặt ngầm trong khu vực nhà máy có dung tích thiết kế là 4,71 m³, đảm bảo khả năng xử lý lượng nước thải phát sinh tại nhà máy. Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn được dẫn qua giếng thấm số 02 tự ngấm vào môi trường đất. Phần cặn định kỳ thuê đơn vị dịch vụ hút đi xử lý theo quy định.

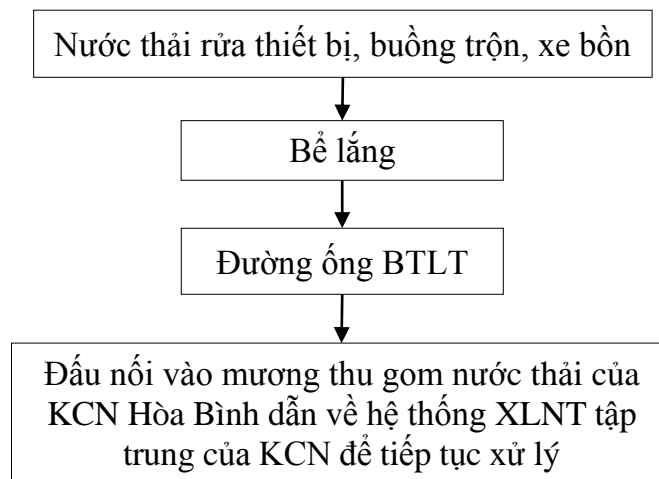
Sơ đồ và quy trình xử lý như sau:



1.2.2. Nước thải sản xuất:

Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình vệ sinh dụng cụ, buồng trộn, rửa xe bồn tại trạm trộn bê tông thương phẩm:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải phát sinh từ qua trình vệ sinh dụng cụ, buồng trộn, rửa xe bồn,... được thu gom về bể lắng có thể tích thiết kế là 70 m³ để lưu và lắng cặn đất cát. Sau đó sẽ tự chảy theo đường ống cống BTLT D400 dài 83m ra điểm đầu nối với mương thu gom nước thải của KCN Hòa Bình dẫn về hệ thống XLNT tập trung của KCN để tiếp tục xử lý. Sơ đồ và quy trình công nghệ xử lý như sau:



1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Nước thải sinh hoạt phải xử lý đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra môi trường đất.

- Nước thải phát sinh từ qua trình vệ sinh dụng cụ, buồng trộn, rửa xe bồn,... phải xử lý đảm bảo đạt giới hạn cho phép theo quy định của KCN.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng.....năm của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Hoạt động sản xuất bê tông thương phẩm của Nhà máy không phát sinh bụi xi măng xả ra môi trường; bụi phát sinh từ hoạt động xúc bốc, vận chuyển, trộn bê tông,... là các nguồn thải phân tán, không tập trung nên chỉ thực hiện các biện pháp giảm thiểu, không yêu cầu có hệ thống xử lý. Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng đề xuất cấp phép xả thải bụi, khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.2.1. Xử lý bụi, khí thải từ quá trình hoạt động của trạm trộn bê tông

– Tại các bonke chứa cốt liệu được bố trí vòi phun sương tạo ẩm nhằm giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình nhập liệu và khi xả định lượng cát, đá từ phễu xuống băng tải.

– Băng tải vận chuyển cát, đá bên dưới phễu nạp liệu được bố trí gần đáy phễu để giảm bụi phát sinh khi xả. Băng tải xiên nhập cát, đá lên buồng trộn được che chắn bằng tấm che bụi băng tải (*tấm che bụi chất liệu thép mạ kẽm có bán sẵn trên thị trường, kích thước tùy theo nhu cầu*) để giảm bụi.

– Cửa thoát khí của buồng trộn được bố trí ở mặt trên cùng hệ thống phun nước cấp cho buồng trộn. Khi đưa nguyên vật liệu vào buồng trộn, hệ thống phun nước sẽ hoạt động, nước được phun dạng hạt nhỏ, phun đều khắp khu vực cửa thoát khí buồng trộn để nước dập bụi bốc lên khi nguyên vật liệu vào nồi trộn. Ngoài ra, cửa thoát khí được che kín bằng vải trong suốt thời gian nhập liệu nhằm ngăn bụi từ buồng trộn phát tán ra xung quanh.

– Xi măng được chở bằng xe bồn chuyên dụng có hệ thống bơm tự động, bơm vào silo theo đường ống trực tiếp nối vào silo chứa xi măng, trên silo có hệ thống thoát khí, trước khi khí thoát ra ngoài sẽ qua hệ thống lọc bụi túi vải PP 500. Bụi xi măng trong túi vải được hệ thống motor rung rũ bụi trở lại silo. Hệ thống lọc bụi đi kèm công nghệ của nhà sản xuất được thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn về xử lý bụi đạt QCVN 19:2009/BTNMT, hiệu suất lọc bụi 95- 99%, có hệ thống rung rũ bụi tự động sau mỗi chu kỳ làm việc đảm bảo hệ thống lọc bụi túi vải không bị tắc và quá tải.

– Trang bị khẩu trang và các trang phục bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất.

– Lựa chọn, sử dụng các thiết bị, máy móc, phương tiện hiện đại đã được kiểm định đạt tiêu chuẩn theo quy định và thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng.

1.2.2. Giảm thiểu bụi từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm và tại khu vực lưu trữ nguyên vật liệu

– Các xe chở nguyên vật liệu cát, đá phải được phủ bạt kín tránh tình trạng rơi vãi nguyên vật liệu trên đường.

– Phân bố luồng xe tải ra vào khu vực dự án phù hợp, tránh ùn tắc, gây ô nhiễm khói bụi cho khu vực.

– Các khu vực chứa nguyên vật liệu được xây nền bê tông đá có gờ cao khoảng 50cm, mái lợp tôn kiên cố. Vào mùa khô, gió phải tiến hành phủ bạt che chắn cẩn thận khu vực tập kết cát tránh để gió cuốn bay ra ngoài môi trường.

– Nguyên vật liệu cát, đá tại khu vực chứa được phun tưới làm ẩm trước khi xúc bốc bằng xe xúc lật đưa vào phễu cấp liệu.

– Tính toán nhu cầu nhập nguyên vật liệu hợp lý để tránh lưu trữ quá nhiều, đổ tràn trong khu vực dự án gây ảnh hưởng môi trường và cảnh quan.

1.2.3. Đối với bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông:

– Hạn chế hoạt động vào giờ cao điểm và tuân thủ biển báo tốc độ.

– Bê tông hóa toàn bộ khu vực sản xuất, đường nội bộ trong khu vực.

– Tăng cường trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy và xung quanh hàng rào để điều hòa vi khí hậu khu vực, hạn chế phát tán bụi ra môi trường bên ngoài, tạo bóng mát và làm đẹp cảnh quan cho nhà máy.

– Yêu cầu các phương tiện tắt máy trong khi chờ nhập liệu, xuất sản phẩm.

– Thường xuyên làm vệ sinh sân bãi, máy móc, kho chứa nguyên vật liệu và phun nước rửa đường để hạn chế bụi phát tán vào những ngày gió lớn.

– Các phương tiện giao thông vận tải phải được kiểm định đạt các tiêu chuẩn khí thải, tiếng ồn theo quy định hiện hành.

– Quy định xe chở đúng trọng tải, sử dụng đúng nhiên liệu với thiết kế của động cơ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về lưu thông xe.

2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với khí thải công nghiệp.

3. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với khí thải.

4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của QCVN

05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng.....năm của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

a. Nguồn phát sinh.

- Tiếng ồn, độ rung từ quá trình vận hành của các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất (máy xúc lật, máy trộn, băng tải chuyên, xe bồn,...).

b. Vị trí phát sinh.

Tại khu vực sản xuất thuộc Lô C2A, KCN Hòa Bình thuộc Phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

c. Giá trị giới hạn.

- Đối với tiếng ồn: Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21giờ (dBA)	Từ 21-6giờ (dBA)	Ghichú
1	55	45	Khu vực đặc biệt
2	70	55	Khu vực thông thường

- Đối với độ rung: Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21giờ (dB)	Từ 21- 6giờ (dB)	Ghichú
1	60	55	Khu vực đặc biệt
2	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị và các linh kiện kết nối các chi tiết của máy.

- Móng máy được xây dựng đảm bảo đủ khối lượng và có biện pháp chống rung phù hợp.

- Bố trí khu vực trạm trộn cách xa các công trình xung quanh nhằm hạn chế ảnh hưởng do tiếng ồn, rung (cách khu nhà làm việc và nhà ở công nhân khoảng

từ 50 - 70m, cách Nhà máy công nghiệp cơ khí của Công Ty TNHH MTV Lý Thành khoảng 50m, cách Xưởng chế biến gỗ của Công ty TNHH Phúc Nhân khoảng 45m, cách cơ sở sản xuất dây thun của Công ty TNHH MTV Lợi Lợi khoảng 90m).

- Xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm khi vào Trạm trộn phải hạn chế tốc độ, tắt máy khi chờ hàng hoặc bốc dỡ nguyên liệu.

- Công nhân vận hành trực tiếp được trang bị đầy đủ quần áo bảo hộ lao động, bố trí thời gian làm việc xen kẽ để đảm bảo sức khỏe và hiệu quả công việc.

- Không hoạt động vào thời gian nghỉ trưa và ban đêm.

- Khu vực Nhà máy có không gian rộng, xung quanh trồng cây và có tường rào bao quanh nên tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các máy móc cũng được giảm đáng kể.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo đạt giới hạn cho phép quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng.....năm của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. **Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng: 86 kg/tháng

- Chủng loại: Bao bì kim loại cứng thải (thùng phuy chứa dầu); Bao bì nhựa cứng thải (*can chứa dầu nhớt*); Chất hấp thụ vật liệu lọc, giẻ lau bị nhiễm dầu nhớt; Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng: 10 kg/ngày

- Chủng loại: Cát, đá, xi măng rơi vãi; Bao bì phụ gia; Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải,...

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: 09 kg/ngày.

- Chủng loại: Bao bì, hộp giấy và một số thức ăn thừa và các loại liên quan khác ...

2. **Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. **Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 03 thùng phi nhựa 120 lít, có nắp đậy tại kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của chứa chất thải nguy hại: Kiểu kho kín, tường xây gạch, mái lợp tôn sóng vuông dày 4 dem, cửa sắt kính, nền lát gạch ceramic 500*500 đảm bảo theo đúng quy định.

Thực hiện lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Cát, đá rơi vãi được thu gom tập kết lại vào các bonke; cặn từ bể lắng nước thải định kỳ hàng năm nạo vét chứa vào xe bồn chuyển đi xử lý; thùng đựng phụ gia thu gom lưu chứa tại khu vực lưu chứa rác thông thường bên cạnh kho chứa CTNH và trả lại nhà cung cấp.

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khu vực lưu chứa bố trí bên cạnh kho chứa CTNH.

- Diện tích khu vực lưu chứa: 16 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực tập trung chất thải rắn thông thường: Mái che bằng tôn, nền bê tông.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 05 thùng rác loại 20 lít có nắp đậy và 01 thùng rác chuyên dụng loại 240 lít có nắp đậy.

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thùng rác 20 lít được đặt tại khu vực văn phòng, nhà ăn, nhà ở công nhân, nhà vệ sinh,... để thu gom rác sinh hoạt của công nhân viên.

- Rác thải sinh hoạt từ các thùng rác nhỏ được thu gom tập kết vào thùng rác chuyên dụng 240 lít đặt tại khu vực lưu chứa rác thông thường bên cạnh kho chứa CTNH, cuối ngày chuyển ra trước cổng Nhà máy để đơn vị dịch vụ môi trường thu gom đi xử lý.

- Diện tích khu vực lưu chứa: 16 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực tập trung chất thải rắn thông thường: Mái che bằng tôn, nền bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.

- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện.

- Thực hiện các biện pháp về an toàn lao động.